

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THAM GIA SÁT HẠCH - ĐỢT NGÀY 09/5/2020

Kèm theo Thông báo số

/TB-SXD ngày /5/2020 của Sở Xây dựng Quảng Bình

| Số TT | Mã môn thi | Họ và tên | Trình độ chuyên môn (CD-CN-KS-Ths-TS) | Lĩnh vực đăng ký Sát hạch |
|-------|------------|---------------------|--|--|
| 1 | GS01 | Phan Thanh Bình | Kỹ sư xây dựng | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 2 | GS01 | Phan Minh Thái | Kỹ sư xây dựng | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 3 | GS02 | Nguyễn Thành Chung | Kỹ sư cấp thoát nước | Giám sát lắp đặt thiết bị công trình |
| 4 | GS01 | Hà Anh Tuấn | Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | TK09 | | | Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN |
| 5 | TK09 | Trần Hoàng Ngọc Yên | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 6 | GS06 | Hoàng Tấn Nam | Kỹ sư xây dựng công trình thủy | Giám sát công trình NN&PTNT |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 7 | QLDA | Nguyễn Hải Vân | Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ | Quản lý dự án |
| | GS10 | | | Giám sát Công trình Giao thông |
| 8 | GS10 | Nguyễn Ngọc Quý | Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ | Giám sát Công trình Giao thông |
| | TK17 | | | Thiết kế Công trình Giao thông |
| 9 | GS01 | Nguyễn Văn Tâm | Kỹ sư xây dựng công trình thủy | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS06 | | | Giám sát công trình NN&PTNT |
| 10 | PLGS | Võ Văn Tư | Kỹ sư xây dựng cầu đường | PL Giám sát thi công xây dựng |
| 11 | GS10 | Võ Đức Hưởng | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Giám sát Công trình Giao thông |
| 12 | PLGS | Phạm Anh Tuấn | Kỹ sư xây dựng giao thông cầu đường bộ | PL Giám sát thi công xây dựng |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 13 | PLGS | Võ Ngọc Trường | Kỹ sư xây dựng giao thông cầu đường bộ | PL Giám sát thi công xây dựng |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |

| Số TT | Mã môn thi | Họ và tên | Trình độ chuyên môn (CD-CN-KS-Ths-TS) | Lĩnh vực đăng ký Sát hạch |
|-------|------------|-------------------|---------------------------------------|--|
| 14 | DG01 | Nguyễn Hồng Nhung | Kỹ sư thủy lợi; Ths Quản lý xây dựng | Định giá xây dựng |
| 15 | GS01 | Hồ Văn Dự | Kỹ sư kỹ thuật xây dựng | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 16 | GS01 | Lê Tuấn Dũng | Kỹ sư xây dựng công trình | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 17 | GS01 | Phạm Anh Tuấn | Kiến trúc sư | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | TK11 | | | Thiết kế Quy hoạch xây dựng |
| | TK10 | | | Thiết kế Kiến trúc công trình |
| 18 | GS10 | Lê Văn Khởi | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Giám sát Công trình Giao thông |
| 19 | GS01 | Trần Đình Dũng | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 20 | GS01 | Nguyễn Đức Thiện | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 21 | GS01 | Nguyễn Xuân Thủy | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS02 | | | Giám sát lắp đặt thiết bị công trình |
| 22 | GS01 | Phạm Thế Nam | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 23 | GS10 | Nguyễn Thành Nhơn | Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ | Giám sát Công trình Giao thông |
| | TK17 | | | Thiết kế Công trình Giao thông |
| 24 | TK09 | Trần Thái Hà | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN |
| | DG01 | | | Định giá xây dựng |
| 25 | GS01 | Hoàng Vũ Phan Anh | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 26 | GS01 | Lê Hiếu Thảo | Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS10 | | | Giám sát Công trình Giao thông |
| | GS06 | | | Giám sát công trình NN&PTNT |
| 27 | GS10 | Trương Văn Huân | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Giám sát Công trình Giao thông |
| 28 | GS10 | Bùi Hữu Lượng | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Giám sát Công trình Giao thông |
| 29 | GS10 | Nguyễn Văn Hùng | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Giám sát Công trình Giao thông |

| Số TT | Mã môn thi | Họ và tên | Trình độ chuyên môn (CD-CN-KS-Ths-TS) | Lĩnh vực đăng ký Sát hạch |
|-------|------------|------------------|---|--|
| 30 | GS01 | Trần Minh Trung | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 31 | GS01 | Võ Mạnh Hùng | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 32 | GS01 | Nguyễn Văn Đăng | Kỹ sư công nghiệp và công trình nông thôn | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 33 | GS01 | Trần Văn Đạt | Trung cấp chuyên nghiệp XD DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 34 | GS01 | Nguyễn Hữu Nghị | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 35 | TK02 | Lê Quốc Vương | Kỹ sư xây dựng | Thiết kế Cấp thoát nước |
| 36 | QLDA | Hoàng Văn Thường | Kỹ sư cây dựng | Quản lý dự án |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 37 | DG01 | Hoàng Kim Đại | Kỹ sư thủy lợi | Định giá xây dựng |
| 38 | TK17 | Ngô Văn Hùng | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Thiết kế Công trình Giao thông |
| | GS10 | | | Giám sát Công trình Giao thông |
| 39 | GS01 | Hà Thanh Giang | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 40 | GS01 | Lê Anh Thắng | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS06 | | | Giám sát công trình NN&PTNT |
| 41 | TK10 | Lê Văn Sinh | Kiến trúc sư | Thiết kế Kiến trúc công trình |
| 42 | TK10 | Phạm Hồng Văn | Kiến trúc sư | Thiết kế Kiến trúc công trình |
| | TK11 | | | Thiết kế Quy hoạch xây dựng |
| 43 | TK10 | Phạm Thành Đạt | Kiến trúc sư | Thiết kế Kiến trúc công trình |
| 44 | TK10 | Lê Văn Duy | Kiến trúc sư | Thiết kế Kiến trúc công trình |
| 45 | GS01 | Đỗ Trung Thành | Kỹ sư Cấp thoát nước | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS02 | | | Giám sát lắp đặt thiết bị công trình |
| | TK02 | | | Thiết kế Cấp thoát nước |
| 46 | GS01 | Trình Thị Hương | Kỹ sư Cấp thoát nước | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |

| Số TT | Mã môn thi | Họ và tên | Trình độ chuyên môn (CD-CN-KS-Ths-TS) | Lĩnh vực đăng ký Sát hạch |
|-------|------------|-------------------|---------------------------------------|--|
| 46 | GS02 | Trần Thị Hương | - Môi trường nước | Giám sát lắp đặt thiết bị công trình |
| 47 | TK14 | Trần Văn Vông | Kỹ sư kỹ thuật hạ tầng đô thị | Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 48 | TK14 | Nguyễn Thị Thủy | Kỹ sư Cầu đường | Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | TK17 | | | Thiết kế Công trình Giao thông |
| 49 | TK04 | Mai Xuân Giang | Kỹ sư điện, điện tử | Thiết kế Cơ - Điện công trình |
| | GS02 | | | Giám sát lắp đặt thiết bị công trình |
| 50 | TK04 | Đặng Ngọc Phong | Kỹ sư điện | Thiết kế Cơ - Điện công trình |
| 51 | TK09 | Trương Quang Tuấn | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 52 | TK09 | Nguyễn Hữu Hoàng | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 53 | TK11 | Hoàng Văn Tròn | Kiến trúc sư | Thiết kế Quy hoạch xây dựng |
| 54 | TK11 | Nguyễn Quang Tuấn | Kiến trúc sư | Thiết kế Quy hoạch xây dựng |
| 55 | TK11 | Nguyễn Tuấn Anh | Kiến trúc sư | Thiết kế Quy hoạch xây dựng |
| 56 | TK11 | Đào Nguyên Bảo | Kiến trúc sư | Thiết kế Quy hoạch xây dựng |
| 57 | GS01 | Nguyễn Xuân Hoàng | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 58 | GS01 | Võ Tiên Huệ | Kỹ sư Kinh tế xây dựng | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 59 | GS01 | Nguyễn Việt Tân | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 60 | DG01 | Nguyễn Văn Trung | Kỹ sư môi trường đô thị và Khu CN | Định giá xây dựng |
| 61 | GS01 | Hoàng Ngọc Hùng | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 62 | GS01 | Trần Hiếu Trung | Thạc sỹ, Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |

| Số TT | Mã môn thi | Họ và tên | Trình độ chuyên môn (CD-CN-KS-Ths-TS) | Lĩnh vực đăng ký Sát hạch |
|-------|------------|-------------------|--|--|
| 63 | GS01 | Trần Vĩnh Long | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 64 | GS01 | Nguyễn Hữu Huỳnh | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 65 | GS01 | Đình Trung Quân | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | TK09 | | | Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN |
| 66 | TK09 | Trần Mạnh Thái | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| 67 | DG01 | Nguyễn Thành Long | Kiến trúc sư | Định giá xây dựng |
| | QLDA | | | Quản lý dự án |
| 68 | GS01 | Bùi Hoa Kiều | Kỹ sư giao thông | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | GS10 | | | Giám sát Công trình Giao thông |
| 69 | TK04 | Nguyễn Vũ Long | Thạc sỹ điện, Kỹ sư điện | Thiết kế Cơ - Điện công trình |
| 70 | GS10 | Trần Văn Thông | Kỹ sư Cầu đường | Giám sát Công trình Giao thông |
| | GS01 | | | Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật |
| | TK14 | | | Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật |
| 71 | TK17 | Ngô Đức An | Cử nhân Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | Thiết kế Công trình Giao thông |
| | GS10 | | | Giám sát Công trình Giao thông |
| | QLDA | | | Quản lý dự án |
| 72 | TK13 | Nguyễn Ngọc Nam | Kỹ sư Thủy lợi | Thiết kế công trình NN&PTNT |
| 73 | TK13 | Nguyễn Thị Nhạn | Kỹ sư Thủy lợi | Thiết kế công trình NN&PTNT |